

Số: 122 /2023-CBTT

Ngày 16 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM****7. Tên CTQLQ: CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**

- Tên Quỹ ETF niêm yết: **Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP**
 - Mã chứng khoán: **FUEDCMID**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM
 - Điện thoại: 08-3825 1488
 - Email: cskh@dragoncapital.com
- Fax: 08-3825 1477
website: <http://dragoncapital.com.vn>

8. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2022

9. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ vào ngày 16/03/2023 tại đường dẫn <https://dragoncapital.com.vn/> của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm/Attached documents

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2022

ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)**NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH****Giám đốc điều hành Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư**

PHỤ LỤC XXV

**MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN BÁN NIÊN, NĂM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON
CAPITAL VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 119/2023-CLTT

TPHCM, ngày 16 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin về quỹ:

a) Tên, loại hình quỹ: **QUỸ ETF DCVFMVNMIDCAP**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VNMidcap.

Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP sử dụng chiến lược mô phỏng chỉ số có chọn lọc (sampling strategy) để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Quỹ sẽ hướng đến phương pháp lựa chọn mẫu và tối ưu hoá, ưu tiên các cổ phiếu có giá trị vốn hoá và thanh khoản cao trong và ngoài danh mục chỉ số tham chiếu nhằm mục đích (1) hạn chế rủi ro thanh khoản cho danh mục đầu tư và (2) tinh giản danh mục để thành viên lập quỹ dễ dàng thực hiện hoạt động giao dịch hoán đổi và tạo lập thị trường nhưng vẫn đảm bảo mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu tuân theo quy định.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): được tính từ ngày được UBCKNN chính thức điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Ngân hàng giám sát đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch của công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ đối với các nội dung sau:

Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): Danh mục chỉ số VNMidcap

Mã cổ phiếu và tỷ trọng trong VNMidcap tại ngày 31/12/2022 như sau:



Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)
AAA	0.3%	DXG	1.5%	NKG	0.6%	SZC	0.3%
AGG	0.5%	DXS	0.3%	NLG	1.9%	TCH	0.7%
ANV	0.2%	EIB	6.3%	NT2	0.6%	TMS	0.2%
APH	0.3%	GEG	0.4%	OCB	3.3%	VCG	0.8%
ASM	0.3%	GEX	1.5%	PAN	0.5%	VCI	1.7%
BCG	0.5%	GMD	3.0%	PC1	0.7%	VGC	0.4%
BMI	0.2%	HBC	0.4%	PHR	0.5%	VHC	1.6%
BMP	0.5%	HCM	1.1%	PNJ	6.1%	VND	3.0%
BWE	0.7%	HDG	0.8%	PPC	0.3%	VPI	1.4%
CII	0.7%	HNG	0.7%	PTB	0.4%	VSH	0.4%
CMG	0.6%	HPX	0.2%	PVD	1.2%		
CRE	0.4%	HSG	1.4%	PVT	0.9%		
CTD	0.3%	HT1	0.2%	REE	2.8%		
DBC	0.6%	IMP	0.1%	SAM	0.6%		
DCM	0.9%	ITA	0.6%	SBT	1.1%		
DGC	3.3%	KBC	2.7%	SCR	0.4%		
DGW	0.8%	KDC	2.2%	SCS	0.6%		
DHC	0.5%	KOS	0.6%	SHB	5.9%		
DIG	1.3%	LPB	4.7%	SJS	0.7%		
DPM	1.8%	MSB	5.4%	SSB	11.9%		

e) Chính sách phân chia lợi nhuận;

Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ sẽ không phân phối lợi nhuận. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 01/01/2022 0 CCQ

Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ 9.800.000 CCQ

Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ 400.000 CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2022

9.400.000 CCQ

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: Quỹ được thành lập theo Giấy chứng nhận lập quỹ do UBCKNN cấp ngày 23/08/2022. Trong kỳ báo cáo Quỹ không có thay đổi Điều lệ quỹ, Điều lệ quỹ chào bán lần đầu ra công chúng được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn **DCVFMVNMIDCAP – Điều lệ quỹ (dragoncapital.com.vn)**

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Quỹ được thành lập theo Giấy chứng nhận lập quỹ do UBCKNN cấp ngày 23/08/2022. Trong kỳ báo cáo Quỹ không có tổ chức Đại hội nhà đầu tư. Biên bản lấy ý kiến nhà đầu tư tại thời điểm chào bán được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn **Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư tại thời điểm chào bán (dragoncapital.com.vn)**

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán);

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022
1	Chứng khoán	99.64%
2	Tài sản khác	0.36%
	Tổng cộng	100,0%

STT	Ngành	31/12/2022
1	Ngân Hàng	36.5%
2	Bất Động Sản	14.0%
3	Vật Liệu	10.7%
4	Hàng Hóa Công Nghiệp	4.6%
5	Thực Phẩm, Nước Giải Khát & Thuốc Lá	6.4%
6	Dịch Vụ Chứng Khoán	6.3%
7	Dịch Vụ Tài Chính	4.7%
8	Bán Lẻ	6.6%
9	Vận Tải	4.9%

10	Tiện ích Công Cộng	2.1%
11	Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng	0.9%
12	Năng Lượng	1.3%
13	Phần Mềm & Dịch Vụ Phần Mềm	0.6%
14	Tiền mặt & Khác	0.36%
	Tổng cộng	100.0

- Giá trị tài sản ròng của quỹ; giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ; số lượng chứng chỉ quỹ chứng khoán đang lưu hành; giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/một cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán cao nhất/thấp nhất trong năm:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2020
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ	76.535.769.325	N/A	N/A
2	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	8.142,10	N/A	N/A
3	Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (ccq)	9.400.000,00	N/A	N/A
4	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo	10.889,42	N/A	N/A
5	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo	6.570,55	N/A	N/A

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cả tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập):

STT	Chỉ tiêu	Số liệu
1	Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	(12,515,101,749.00)
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, chứng chỉ tiền gửi, lãi suất tiền gửi)	1,368,219,132.00
3	Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu	(264,226,121.00)
4	Tổng chi phí	(464,570,629.00)
	Tổng lợi nhuận của Quỹ	(11,875,679,367.00)

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong

trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối năm tài chính):

✓ Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình trong kỳ 2022: 1.95 %

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối năm tài chính):

✓ Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình trong kỳ 2022: 59.80%

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo: không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Tính tới ngày lập báo cáo

Tổng lợi nhuận bình quân (đồng)

i) 1 năm

(11,875,679,367.00)

ii) 3 năm

N/A

iii) 5 năm

N/A

(i) Trong thời hạn 12 tháng (01 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tới ngày báo cáo nếu quỹ/công ty đầu tư chứng khoán hoạt động dưới 1 năm); hoặc

(ii) Trong thời hạn 36 tháng (03 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tới ngày báo cáo nếu quỹ/công ty đầu tư chứng khoán hoạt động dưới 3 năm); hoặc

(iii) Trong thời hạn 60 tháng (05 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tới ngày báo cáo nếu quỹ/công ty đầu tư chứng khoán hoạt động dưới 05 năm);

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Công ty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm

d) Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

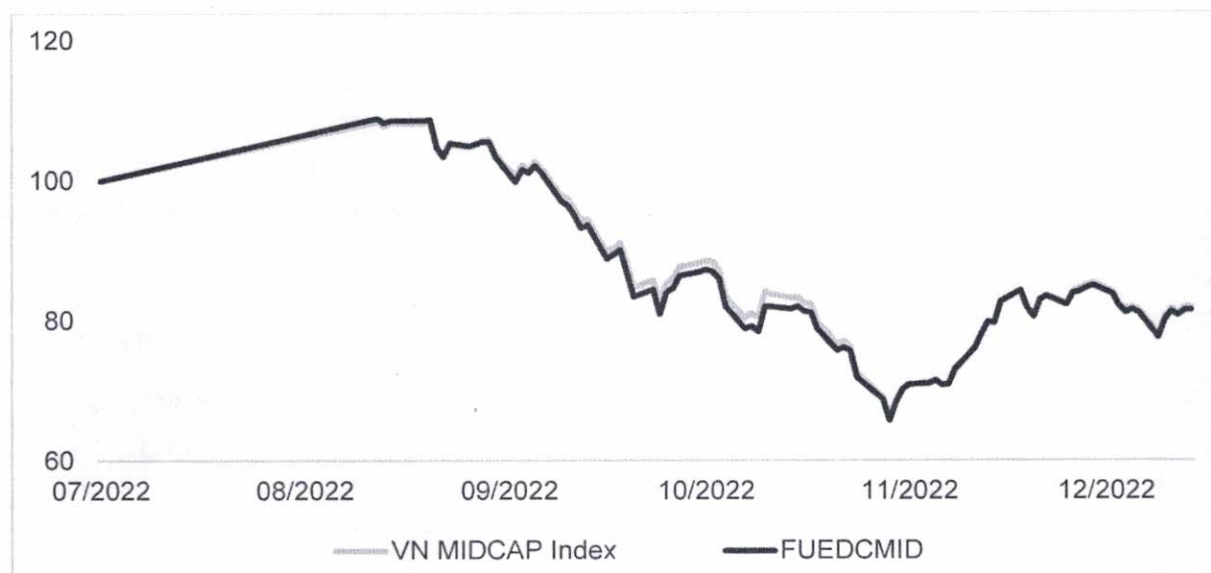
Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): **không có**

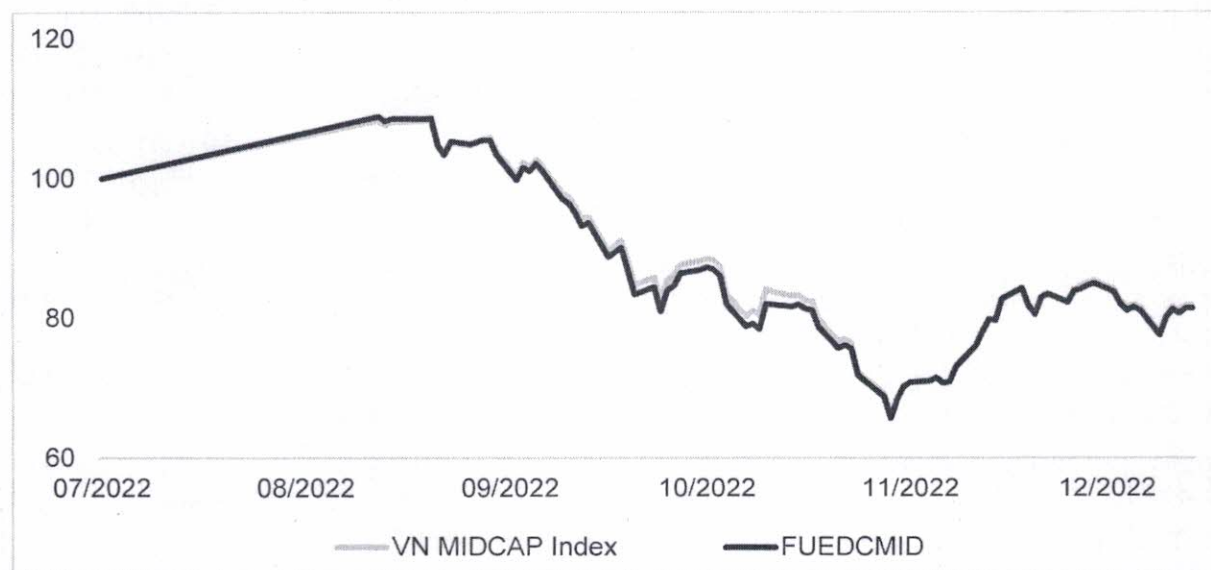
b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ);

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số VNMidcap. Trong kỳ báo cáo, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu ở mức khoảng 2.3%.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):



e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ;

Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP sử dụng chiến lược mô phỏng chỉ số có chọn lọc (sampling strategy) để thực

hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Quỹ sẽ hướng đến phương pháp lựa chọn mẫu và tối ưu hoá, ưu tiên các cổ phiếu có giá trị vốn hoá và thanh khoản cao trong và ngoài danh mục chỉ số tham chiếu nhằm mục đích (1) hạn chế rủi ro thanh khoản cho danh mục đầu tư và (2) tinh giản danh mục để thành viên lập quỹ dễ dàng thực hiện hoạt động giao dịch hoán đổi và tạo lập thị trường nhưng vẫn đảm bảo mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu tuân theo quy định.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo; Không có năm liền kề

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất;

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2022 của Quỹ ETF DCFVMVNMIDCAP là 8,142.1 đồng, giảm khoảng 18.6% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tính tại thời điểm IPO, cùng thời gian đó chỉ số tham chiếu giảm tương ứng 18.2%.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap);

Trong năm 2022 thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều biến động khi chỉ số VN-Index giảm khoảng 32.8% so với cuối năm 2021. Giá trị chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam có mức giảm 34.5%, chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa vừa (VNMid-cap) có mức giảm 41.4% và chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (VNSmall-cap) có mức giảm 51.0%.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): **không có**

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: **không có**

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): **không có**

m) Các thông tin khác (nếu có).

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ ETF DCFVMVNMIDCAP ("ETF DCFVMVNMIDCAP" hoặc "Quỹ") đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 23 tháng 08 năm 2022 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: từ ngày 23 tháng 08 năm 2022 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 23 tháng 08 năm 2022 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

Từ ngày 23 tháng 08 năm 2022 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không có bất

kỳ hợp đồng vay và cho vay.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ được tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 23 tháng 08 năm 2022 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 3.800.000,00 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 38.000.000.000 đồng.
- Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 400.000,00 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 4.000.000.000.

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: từ ngày 23 tháng 08 năm 2022 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với chi phí hoạt động	Tỷ lệ so với thu nhập
Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	0.14%	3.63%	0.15%
Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ	0.07%	1.78%	0.07%

b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản): **không áp dụng**

c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: **Không có**

d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

STT	Chi tiêu	Số tiền
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	16,866,666.00
2	Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ	8,250,000.00
Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền của Quỹ		25,116,666.00

đ) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH NGHIỆP VỤ
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

